| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 1494/2026/DS – ST
Ngày: 30/06/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Phúc
Bà Vũ Hưu Thu Thủy

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh*** tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 06 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 415/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 05 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 309/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Cam Thị Bích N**, sinh ngày: 10/10/1963 *(vắng mặt)*
Căn cước công dân số: 079163025530, ngày cấp: 21/12/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.
Địa chỉ thường trú: E T, phường C (Phường A, Quận E cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Ngọc H, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 19/03/2026) *(có mặt)*

*Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh ngày: 10/02/1969 *(vắng mặt)*
Căn cước công dân số: 019169010436, ngày cấp: 02/11/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.
Địa chỉ thường trú: 64 N, phường D (Phường F, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Lê Đức T**, sinh năm: 1963 *(vắng mặt)*

Địa chỉ thường trú: F N, Phường D (Phường F, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: 01 B, Khu phố E, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Bà Cam Thị Bích N trình bày:**

Ngày 29/01/2024, bà Nguyễn Thị Y có vay của bà Cam Thị Bích N số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), giao dịch giữa hai bên được xác lập bằng giấy tay. Theo đó bà Y cam kết sẽ trả lại cho bà N toàn bộ số nợ vay vào ngày 31/06/2024.

Đến hạn, bà N nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu bà Y thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nhưng bà Y có hẹn rồi sau đó thất hứa. Cứ như vậy nhiều lần, gần nhất vào khoảng tháng 03/2026 bà N trực tiếp gặp bà Y yêu cầu trả nợ nhưng bà Y vẫn không hợp tác.

Vì không thể tự thương lượng để bà Y trả nợ nên bà N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ phải trả cho bà Cam Thị Bích N toàn bộ số nợ gốc đã vay là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) ngay một lần. Bà Cam Thị Bích N tự nguyện không yêu cầu bà Y phải trả tiền lãi.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án**: Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt cho bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Đức T các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Đức T không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của bà Y và ông T. Ngày 05/05/2026, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là bà Nguyễn Thị Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Đức Thanh vắng M hòa giải lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ.

*** Vấn đề khác:** Xét đơn yêu cầu của nguyên đơn, ngày 05/02/2026 Tòa án ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2026/QĐ-BPKCTT về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chưa được xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị Y.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện nguyên đơn - Bà Lê Thị Ngọc H trình bày:

Khoản tiền 2.000.000.000 đồng bà N đã đưa cho bà Y nhiều lần trước đó, đến ngày 29/01/2024 bà Y mới viết giấy để chốt lại số nợ và cam kết trả nợ cho bà N, bà Y đã ký và lăn tay bên người vay. Bà N giữ yêu cầu bà Nguyễn Thị Y phải trả cho bà N toàn bộ số nợ gốc đã vay là 2.000.000.000 đồng ngay một lần. Bà N không yêu cầu bà Y trả tiền lãi.

Bà N đề nghị giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2026/QĐ-BPKCTT ngày 05/02/2026 về việc chưa cho xuất cảnh đối với

bà Nguyễn Thị Y để đảm bảo việc bà Y có nghĩa vụ thi hành án cho bà N.

- Bà Nguyễn Thị Y: Vắng mặt.

- Ông Lê Đức T: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Y phải trả cho bà N số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2026/QĐ-BPKCTT ngày 05/02/2026 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Cam Thị Bích N, xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Căn cứ xác minh của Công an phường D, Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của nguyên đơn đã có cơ sở xác định: Bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Đức T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ F N, phường D (Phường F, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, thực tế bà Y và ông T không còn cư trú tại địa chỉ này; ông Lê Đức T hiện đang cư trú tại số A B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; còn bà Nguyễn Thị Y không rõ đi đâu, không xác định được nơi cư trú hiện tại. Như vậy thời điểm bà N nộp đơn khởi kiện bà Y vào ngày 13/01/2026 do không biết nơi cư trú của bà Y nên ghi địa chỉ của người bị kiện là nơi cư trú cuối cùng tại nhà số F N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh (cũng là địa chỉ và Y ghi trong giấy xác nhận nợ) là đúng quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu

vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai cho bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Đức T nhưng đều vắng mặt. Xét thấy việc bà Y và ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Đức T theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét Giấy đề ngày 29/01/2024, ghi bên cho vay là bà Cam Thị Bích N, bên vay là bà Nguyễn Thị Y có nội dung bà Y có vay của bà N số tiền là 2.000.000.000 đồng, hẹn ngày 31/06/2024 trả tiền. Bà N khai khoản tiền 2.000.000.000 đồng bà N đã đưa cho bà Y nhiều lần trước đó, đến ngày 29/01/2024 bà Y mới viết giấy để chốt lại số nợ và cam kết trả nợ cho bà N, bà Y đã ký và lăn tay bên người vay.

Như vậy Bà Cam Thị Bích N đã cho Bà Nguyễn Thị Y vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn trả đến ngày 31/06/2024. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N, mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu. Việc vay tiền đã lâu bà Y không trả tiền nợ cho bà N, nếu kéo dài sẽ gây thiệt hại quyền lợi của bà N, do đó chấp nhận yêu cầu của bà N buộc bà Y phải trả ngay cho bà N số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng. Ghi nhận việc bà N không yêu cầu bà Y phải trả tiền lãi.

Bà N đề nghị giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2026/QĐ-BPKCTT ngày 05/02/2026 về việc chưa cho xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị Y để đảm bảo việc bà Y có nghĩa vụ thi hành án cho bà N. Xét bà Y đang có nghĩa vụ trả nợ cho bà N theo giấy vay tiền nhưng khi không còn ở tại địa chỉ ghi trong giấy vay tiền, bà Y không thông báo địa chỉ mới cho bà N là cố tình dấu đại chỉ, không có thiện chí trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Y cũng vắng mặt. Do đó cần duy trì biện pháp Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2026/QĐ-BPKCTT ngày 05/02/2026 để đảm bảo việc thi hành án.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng, chứng tỏ bị đơn đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình được qui định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y chịu án phí dân sự sơ thẩm (tính trên số tiền phải trả cho bà N) là 72.000.000 đồng.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 ; Điều 228 ; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Cam Thị Bích N.

Bà Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ trả cho Bà Cam Thị Bích N số tiền là 2.000.000.000 đồng *(hai tỷ đồng)* theo Giấy vay tiền ghi ngày 29/01/2024. Ghi nhận việc Bà Cam Thị Bích N tự nguyện không yêu cầu Bà Nguyễn Thị Y phải trả tiền lãi.

Việc trả tiền được thực hiện một lần tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bà Cam Thị Bích N có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho Bà Cam Thị Bích N) cho đến khi thi hành án xong, Bà Nguyễn Thị Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 128 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2026/QĐ-BPKCTT ngày 05/02/2026.

**3.** Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cam Thị Bích N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Y chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 72.000.000 đồng *(bảy mươi hai triệu đồng)*.

**4.** Về quyền kháng cáo :

Bà Cam Thị Bích N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Y, Ông Lê Đức T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
-TAND TP.HCM;
-VKSND Khu vực 4;
-THADS Khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.




**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Huyền**